

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 10/2022/HS-ST
Ngày 21-02-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiềm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lã Xuân Trường;

Bà Hoàng Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/HSST-QĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đào Thị H, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1979 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Đường Ô, khu đô thị P, khối 6, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Gia L (đã chết) và bà Nông Thị T; có chồng là Trần Đăng K và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, ngày 17-10-2013 bị cáo bị Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn khởi tố về hành vi Làm nhục người khác, sau đó đình chỉ điều tra do bị hại đã rút đơn yêu cầu khởi tố; bị bắt tạm giam từ ngày 30-6-2021 đến ngày 03-8-2021 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện nay tại ngoại; có mặt.

2. Nông Thị Kim H, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1980 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Chỗ ở: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Quý S và bà La Thị V; có chồng là Nguyễn Đức L (đã chết) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử

phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 30-6-2021 đến ngày 01-9-2021 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện nay tại ngoại; có mặt.

3. Nông Văn T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1986 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị N; có vợ là Ma Thị S và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 30-6-2021 đến ngày 01-9-2021 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện nay tại ngoại; có mặt.

4. Nguyễn Văn H, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1982 tại huyện K, tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế H và bà Đặng Thị H; có vợ là Chu Thị N và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 30-6-2021 đến ngày 13-11-2021 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện nay tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H: Ông Bé Quang H – Luật sư Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty T do Nguyễn Thị D làm Giám đốc trên danh nghĩa; còn mọi hoạt động của Công ty do Đào Thị H là nhân viên của Công ty trực tiếp quản lý, điều hành. Ngoài ra Công ty còn có các nhân viên Nông Thị Kim H và Nông Văn T.

Trước đó Đào Thị H có quan hệ làm ăn với Trần Sỹ C, là Phó Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Xuất nhập khẩu T (sau đây gọi tắt là Công ty T), địa chỉ số 47, đường P, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 28-3-2021, Công ty T ký Hợp đồng mua bán số 0321/NK-41 với Công ty K (HK) CO.LTD, địa chỉ tại Trung tâm Thương mại S, đường D, Hồng Kông, mua 05 mặt hàng dược liệu gồm Củ Maca khô, Hạt cọ Chile, Vỏ cây Cabinda, Hạt cây Bao báp, Nấm sữa hồ sấy khô và ngày 31-3-2021 ký Hợp đồng mua bán số 0321/XK-41A với Công ty M, thành phố Đ, địa chỉ tại T, đường H, thành phố Đ, Quảng Tây, Trung Quốc xuất bán gồm Củ Maca khô, Hạt cọ Chile và Nấm sữa hồ sấy khô.

Khoảng cuối tháng 3-2021, Trần Sỹ C gọi điện thoại cho Đào Thị H thông báo hiện có Container hàng của A H (không rõ tên tuổi), trú tại A, Quảng Tây, Trung Quốc muốn giao cho Đào Thị H để xuất sang Trung Quốc, Đào Thị H không nhận lời ngay mà nói sẽ thông tin lại sau. Sau đó, Đào Thị H gọi qua ứng dụng Wechat cho một người đàn ông Trung Quốc tên T (không rõ tên tuổi, địa chỉ) là người chuyên đón nhận hàng bên Trung Quốc đề nghị đón 01 Container hàng khô, T nói đang nghỉ dịch và bảo Đào Thị H tìm người khác. Đào Thị H đến gặp Đặng Văn T đặt vấn đề tìm người đón hàng bên Trung Quốc, Đặng Văn T cho biết có quen một người đàn ông Trung Quốc tên là A H1 có thể giúp Đào Thị H đón hàng qua cửa khẩu. Đào Thị H về nhà gọi điện thông báo cho Trần Sỹ C vận chuyển hàng lên Lạng Sơn.

Ngày 01-4-2021, Công ty T mở Tờ khai nhập khẩu hàng hóa tại Chi cục Hải quan cảng Đ, Hải Phòng đối với số hàng hóa đóng trong 02 Container số PHRU 8605987 và PHRU 860789. Cùng ngày, Công ty đăng ký mở Tờ khai điện tử tại Chi cục Hải quan cửa khẩu C, tỉnh Lạng Sơn để xuất khẩu sang Trung Quốc số hàng hóa có trong Container số PHRU 8605987.

Chiều tối ngày 02-4-2021, Công ty T cho người vận chuyển hàng đến bãi tập kết hàng hóa của Công ty T. Đào Thị H gọi điện giao cho Nông Thị Kim H đến gặp lái xe ô tô BKS 14C-16345 kéo theo rơ moóc BKS 14R-00828 chở Container số PHRU 8605987 lấy các giấy tờ liên quan đến hàng hóa. Sau khi nhận các giấy tờ liên quan, Nông Thị Kim H đến Chi cục Hải quan cửa khẩu C làm thủ tục xuất khẩu. Sau khi gọi điện cho Nông Thị Kim H xong, Đào Thị H gặp Đặng Văn T nói hàng đã lên đến nơi và đã hoàn thành thủ tục Hải quan, cho phép Đào Thị H gửi số điện thoại của Đặng Văn T cho A H để A H liên lạc với Đặng Văn T trao đổi về việc đón nhận hàng, Đặng Văn T đồng ý. Đào Thị H đề nghị Đặng Văn T liên lạc với Nông Thị Kim H và Nông Văn T để thực hiện việc vận chuyển hàng giao cho phía Trung Quốc. Khi A H gọi điện qua Wechat cho Đặng Văn T, Đặng Văn T cho A H số điện thoại của A H1 để hai người tự trao đổi thỏa thuận.

Sau đó vài ngày, Đào Thị H đến Công ty gặp Nông Thị Kim H, Nông Văn T, Đào Thị H bảo Nông Văn T liên lạc với phía Trung Quốc khi nào đón được hàng thì thông báo cho Nông Thị Kim H để Nông Thị Kim H thông báo cho Đặng Văn T biết. Do Nông Văn T có tài khoản Wechat của người đàn ông Trung Quốc, tên thường gọi A C (không rõ họ, địa chỉ) là người chịu trách nhiệm đón hàng ở phía Trung Quốc và tổ chức cho người bốc xếp lên xe để chuyển hàng vào trong nội địa Trung Quốc theo yêu cầu của chủ hàng. Nông Văn T gọi cho A C qua Wechat để trao đổi về việc đón hàng từ Container số PHRU 8605987, A C cho biết hôm nay chưa có người đón hàng, lúc nào đón được sẽ thông báo sau.

Đến khoảng 13 giờ ngày 22-4-2021, A C gọi cho Nông Văn T qua Wechat nói tối nay có thể nhận được 1/2 container hàng tại Mốc biên giới 1227, Nông Văn T báo lại cho Đào Thị H và Nông Thị Kim H biết, Đào Thị H yêu cầu Nông Văn T tổ chức việc bốc xếp, vận chuyển, bàn giao hàng hóa cho phía Trung Quốc. Theo sự chỉ đạo của Đào Thị H, Nông Thị Kim H gọi điện cho Nguyễn Văn H (cháu của Đặng Văn T), có số điện thoại 0965729830 thông báo về việc tối nay phía Trung

Quốc có người nhận được hàng và hỏi Nguyễn Văn H có cho hàng đi được không, Nguyễn Văn H trả lời sẽ thông báo sau.

Do trước đó Nguyễn Văn H có quen và trao đổi tài khoản Wechat với một người đàn ông Trung Quốc tên là A M (không rõ họ, địa chỉ) là người làm cho A H. Nhiệm vụ của A M là liên hệ với các lực lượng chức năng cửa khẩu phía bên Trung Quốc để xin phép về thời gian, địa điểm nhận hàng nhập khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc. A M nói với Nguyễn Văn H khi nào phía lực lượng chức năng của Trung Quốc cho phép, A M sẽ thông tin về thời gian và địa điểm để Nguyễn Văn H báo cho những người vận chuyển tại Việt Nam đưa hàng đi và hứa trả tiền công 300.000 đồng/ 01 Container hàng hóa.

Sau khi nhận được cuộc gọi từ Nông Thị Kim H chiều ngày 22/4/2021, Nguyễn Văn H gọi qua Wechat cho A. M hỏi tối nay hàng có đi được không, thì A M nói là đi được, địa điểm, thời gian cụ thể sẽ thông báo sau. Sau đó, Nguyễn Văn H gọi điện báo Nông Thị Kim H chuẩn bị phương tiện, người bốc xếp hàng hóa, chờ khi nào có ý kiến của Nguyễn Văn H thì vận chuyển đi giao cho phía Trung Quốc. Nông Thị Kim H nói lại với Nông Văn T chuẩn bị xe ô tô tải để vận chuyển hàng hóa và thuê người bốc vác hàng. Nông Văn T gọi điện thuê Trịnh Văn C tìm người bốc vác hàng hóa đi qua mốc biên giới 1227 sang Trung Quốc. Trịnh Văn C thuê được 16 người gồm: Nông Thị H (vợ Trịnh Văn C), Trương Quang T, Mã Thị T, Phùng Văn M, Phùng Thị S, Trịnh Văn H, Hoàng Thị H, Lành Thị C và Đinh Thị H, Nông Văn H, Nguyễn Văn B, Trịnh Thị M, Lộc Văn Q, Lộc Văn N, Trịnh Thị L, Phùng Thị T. Sau đó, Nông Văn T thuê 04 xe ô tô tải nhỏ gồm: Xe ô tô BKS 97H-1550 của Hoàng Văn T, xe ô tô BKS 35C-063.71 của Hoàng Văn S, xe ô tô BKS 12C-066.83 của Vũ Văn H, và xe ô tô BKS 29C-208.81 của Vy Văn D. Đồng thời, Nông Thị Kim H thuê 04 người bốc vác hàng hóa từ Container sang các xe ô tô tải nói trên tại bãi tập kết hàng hóa Công ty T gồm: Hứa Thị V, Hoàng Văn Đ, Nông Văn T1 và Nông Văn T2.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, Nông Thị Kim H gọi điện xin ý kiến Nguyễn Văn H để cắt kẹp chì niêm phong container chứa hàng hóa, Nguyễn Văn H đồng ý. Nông Thị Kim H giao cho Nông Văn T1 dùng kìm cắt kẹp chì niêm phong container số PHRU 8605987, sau đó cho người bốc xếp hàng hóa từ container sang các xe ô tô tải. Nông Văn T cân một số bao hàng để xác định trọng lượng làm căn cứ trả tiền công bốc vác. Lúc này, Nguyễn Văn H gọi điện yêu cầu Nông Thị Kim H cung cấp các biên kiểm soát xe ô tô tải và số container chứa hàng để Nguyễn Văn H thông tin cho A M; Nông Văn T đã cung cấp thông tin biên kiểm soát của các xe ô tô tải cho Nông Thị Kim H, Nông Thị Kim H ghi các biên kiểm soát xe ô tô tải và số container vào một tờ giấy nhỏ rồi sử dụng điện thoại chụp ảnh, gửi qua zalo cho Nguyễn Văn H; Nguyễn Văn H dặn Nông Thị Kim H bốc hàng xong đổ xe gọn trong bãi, khi nào hàng được vận chuyển đi sẽ thông báo. Khoảng 21 giờ 40 phút, Nguyễn Văn H gọi điện yêu cầu Nông Thị Kim H cho từng xe ô tô tải vận chuyển hàng lên mốc biên giới 1227. Theo yêu cầu của Nông Thị Kim H, Nông Văn T áp tải từng xe ô tô hàng đến mốc biên giới 1227 gặp Trịnh Văn C và những người bốc vác đang chờ ở đó. Nông Văn T chỉ đạo bốc vác hàng hóa từ xe ô tô tải

đến hàng rào biên giới ngăn cách giữa Việt Nam - Trung Quốc, đưa hàng qua ô thủng song sắt sang Trung Quốc. Phía bên Trung Quốc có một số người đón, xếp hàng lên xe ba bánh và vận chuyển vào nội địa Trung Quốc. Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 23-4-2021 thì Nông Văn T bàn giao xong 04 xe hàng cho phía Trung Quốc. Trưa cùng ngày, Nông Văn T đến nhà trả cho Trịnh Văn C số tiền 16.500.000 đồng tiền công bốc vác hàng hóa.

Khoảng 17 giờ ngày 24-4-2021, A C gọi qua Wechat cho Nông Văn T cho biết tối nay đón được số hàng còn lại tại mốc 1227, Nông Văn T thông báo cho Nông Thị Kim H và Đào Thị H biết, Nông Thị Kim H gọi điện thông báo cho Nguyễn Văn H biết, Nguyễn Văn H yêu cầu Nông Thị Kim H báo lại số lượng hàng hóa đã vận chuyển cho Trung Quốc ngày 22-4-2021, Nông Thị Kim H nói đã vận chuyển được 480 bao, Nguyễn Văn H yêu cầu Nông Thị Kim H chuẩn bị xe ô tô tải và người bốc vác để tối nay vận chuyển hàng cho phía Trung Quốc và chờ thông báo lại. Sau khi trao đổi với Nguyễn Văn H xong, Nông Thị Kim H bảo Nông Văn T chuẩn bị xe ô tô tải, đồng thời gọi điện thuê Hứa Thị V, Hoàng Văn Đ, Nông Văn T1 và Nông Văn T2 bốc xếp hàng hóa từ Container sang các xe ô tô tải tại bãi tập kết hàng hóa của Công ty T. Nông Văn T gọi điện thuê xe ô tô BKS BKS 97H-1550 của Hoàng Văn T, xe ô tô BKS 35C-063.71 của Hoàng Văn S và xe ô tô BKS 12C-066.83 của Vũ Văn H đến bãi tập kết hàng hóa của Công ty T và gọi điện cho Trịnh Văn C thuê người bốc vác hàng hóa tại mốc 1227. Khoảng 17 giờ 47 phút, Nguyễn Văn H gọi điện yêu cầu Nông Văn T khi nào xe ô tô tải vận chuyển hàng lên mốc 1227 thì thông báo cho Nguyễn Văn H biết.

Đến khoảng 19 giờ 40 phút, khi công nhân và các xe ô tô tải chở hàng lần lượt đến bãi xe, Nông Thị Kim H gọi điện xin ý kiến của Nguyễn Văn H để bốc xếp, vận chuyển hàng hóa cho phía Trung Quốc, Nguyễn Văn H đồng ý và dặn bốc xếp hàng lên các xe ô tô tải xong thì đỗ lại tại bãi, chờ chỉ đạo của Nguyễn Văn H. Sau đó Nông Thị Kim H yêu cầu bốc xếp hàng hóa lên 03 xe ô tô tải nói trên và bảo Nông Văn T cung cấp 03 biên kiểm soát của xe ô tô tải đang được bốc xếp hàng hóa, Nông Thị Kim H ghi vào một tờ giấy nhỏ các biên kiểm soát xe ô tô và số container rồi sử dụng điện thoại chụp ảnh, gửi qua zalo cho Nguyễn Văn H. Khi xe ô tô tải BKS 97H-1550 của Hoàng Văn T xếp hàng xong, Nông Văn T nói với Nông Thị Kim H phía Trung Quốc yêu cầu đón nhận hàng, Nông Thị Kim H gọi điện thoại xin ý kiến thì được Nguyễn Văn H cho phép vận chuyển hàng lên mốc 1227, Nông Thị Kim H bảo Nông Văn T cho xe hàng di chuyển. Nông Văn T áp tải xe ô tô chở hàng và gọi điện thông báo cho Nguyễn Văn H biết xe đang vận chuyển hàng lên mốc 1227, đồng thời gọi cho A C qua Wechat để chuẩn bị đón hàng. Khi xe đang vận chuyển hàng hóa trên đường vành đai cách mốc 1226/1 khoảng 200 mét thì bị lực lượng Công an phát hiện trên xe ô tô vận chuyển 2.500kg hạt cọ Chile khô, 868kg củ Maca Peru khô; còn 02 xe ô tô tải đang chờ tại bãi tập kết hàng hóa của Công ty T chưa kịp vận chuyển lên mốc biên giới 1227 để giao cho phía Trung Quốc cũng bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện trên xe ô tô BKS 35C-06371 của Hoàng Văn S có 2.450kg củ Maca Peru khô và trên xe ô tô BKS 12C-06683 của Vũ Văn H có 3.850kg củ Maca Peru khô

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H khai nhận do nhận thức hạn chế về loại hình kinh doanh hàng tạm nhập tái xuất, nên khi nhận được thông tin A M đã xin lực lượng chức năng Trung Quốc đồng ý cho hàng hóa của phía Việt Nam giao cho chủ hàng Trung Quốc tại mốc biên giới 1227 (không qua cửa khẩu chính) vào buổi tối, Nguyễn Văn H đã hướng dẫn Nông Thị Kim H, Nông Văn T tổ chức vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới vào các thời gian, địa điểm như đã nêu ở trên. Ngoài ra Nguyễn Văn H còn khai Nguyễn Văn H chỉ biết liên hệ với A M; còn A M có liên lạc, trao đổi với A C để thống nhất thời gian, địa điểm giao nhận, bốc xếp hàng hóa tại mốc biên giới 1227 hay không, Nguyễn Văn H không biết.

Bản kết luận định giá tài sản số 1127/KL-HĐĐGTS ngày 17/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Lạng Sơn kết luận: 868kg củ Maca Peru khô trị giá 1.475.600.000 đồng. Mặt hàng hạt cọ Chile khô không có căn cứ xác định giá.

Bản kết luận định giá tài sản số 2206/KL-HĐĐGTS ngày 03/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Lạng Sơn kết luận: 6.300kg củ Maca Peru khô trị giá 10.710.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 146/CT-VKSLS-P1 ngày 19-11-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Đào Thị H, Nông Thị Kim H, Nông Văn T, Nguyễn Văn H về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung cáo trạng truy tố, xin Tòa cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất và xin được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đào Thị H, Nông Thị Kim H, Nông Văn T và Nguyễn Văn H phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Căn cứ khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đào Thị H từ 1.700.000.000 đồng đến 1.800.000.000 đồng; xử phạt các bị cáo Nông Thị Kim H, Nông Văn T, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo từ 1.000.000.000 đồng đến 1.100.000.000 đồng. Hình phạt tiền đã là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước đối với hàng hóa là Củ Macca Peru khô, hạt cọ Chile khô và 02 chiếc điện thoại lên quan đến tội phạm thu giữ của các bị cáo Nông Thị Kim H, Nông Văn T và trả lại 02 chiếc điện thoại do không liên quan đến hành vi phạm tội cho các bị cáo Đào Thị H, Nguyễn Văn H. Các bị cáo phải chịu tiền án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H: Nhất trí với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: các bị cáo đã làm thủ tục hàng hóa đầy đủ nhưng chỉ vì đối tác

là A M người Trung Quốc yêu cầu không đi qua cửa khẩu chính nên dẫn đến hành vi phạm tội; các bị cáo là người có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để điều tra vụ án; đối với bị cáo Nguyễn Văn H đã nộp một khoản tiền để đảm bảo thi hành án nếu được hưởng hình phạt tiền, bị cáo và gia đình bị cáo cam kết sẽ cùng bị cáo thi hành án nếu được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt tiền bị cáo với mức phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Hồi 21 giờ 05 phút ngày 24-4-2021, tại khu vực cửa khẩu C và đường vành đai cách mốc biên giới 1226/1 Việt Nam - Trung Quốc khoảng 200 mét thuộc xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Đào Thị H, Nông Thị Kim H, Nông Văn T và Nguyễn Văn H đã có hành vi vận chuyển trái phép qua biên giới 7.168kg Củ Macca Peru khô và trị giá 12.185.600.000 đồng từ Việt Nam sang Trung Quốc với mục đích để hưởng tiền công vận chuyển. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Đào Thị H, Nông Thị Kim H, Nông Văn T, Nguyễn Văn H phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[4] Đây là vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn: Bị cáo Đào Thị H có vai trò chính, là người nhận hàng với công ty T, liên hệ chủ hàng và người đón hàng là A M người Trung Quốc, rủ rê, chỉ đạo Nông Thị Kim H và Nông Văn T thực hiện để đưa hàng qua biên giới. Bị cáo Nông Thị Kim H, Nông Văn T đều là những người thực hành tích cực, trực tiếp thực hiện bốc, xếp hàng hóa, liên hệ người đón hàng để đưa hàng sang Trung Quốc; các bị cáo

Nông Thị Kim H và Nông Văn T có vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn H giúp sức cho A M liên lạc giữa phía Trung Quốc và Nông Thị Kim H, Nông Văn T để đảm bảo việc thông suốt đưa đón hàng vận chuyển trái phép nên có vai trò thứ yếu trong vụ án.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo Nông Thị Kim H, Nông Văn T, Nguyễn Văn H đều là người có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo Đào Thị H có nhân thân không tốt, ngày 17-10-2013 bị cáo bị Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn khởi tố về hành vi Làm nhục người khác, sau đó đình chỉ điều tra do bị hại đã rút đơn yêu cầu khởi tố.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích nêu trên, khi lượng hình cần xem xét đến vai trò đồng phạm, tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo, xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, cần xem xét điều kiện hoàn cảnh phạm tội của các bị cáo, các bị cáo đã thực hiện đầy đủ thủ tục Hải quan nhưng vì yêu cầu của đối tác là A M người Trung Quốc nên đã vận chuyển không đúng vị trí Cửa khẩu, đã đi qua lối mòn Biên giới dẫn đến phạm tội, mục đích vận chuyển trái phép hàng hóa sang Trung Quốc nhưng hàng hóa đã được thu hồi; các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, chưa từng bị kết án, chưa từng bị xử phạt hành chính, không có hành vi bỏ trốn, sau khi sự việc xảy ra chấp hành tốt quy định pháp luật. Các bị cáo làm công việc kinh doanh, vận chuyển hàng hóa có thu nhập, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế. Qua tài liệu cung cấp, các bị cáo và gia đình đều nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn một số tiền để chứng minh cho việc đảm bảo thi hành án, cụ thể như sau: Bị cáo Đào Thị H đã nộp 2.000.000.000 đồng; bị cáo Nông Thị Kim H, đã nộp 1.000.000.000 đồng; bị cáo Nông Văn T, đã nộp 1.000.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn H đã nộp 300.000.000 đồng.

[8] Tại tòa, bị cáo Nguyễn Văn H và bố đẻ là ông Nguyễn Thế H cam kết sẽ nộp đủ tiền trong thời gian tới để thi hành án; ông Nguyễn Thế H nộp tại tòa bản cam kết có xác nhận của chính quyền địa phương, có nội dung ông Nguyễn Thế H cùng vợ là bà Đặng Thị H cam kết dùng tài sản là thửa đất có diện tích 360m² (có nộp kèm theo bản photo xác nhận chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên ông Nguyễn Thế H và bà Đặng Thị H số vào sổ cấp GCN: CH 22714 ngày 14/6/2014) để cùng con trai là bị cáo Nguyễn Văn H để làm tài sản đảm bảo thi hành án, tại Tòa ông Nguyễn Thế H xác nhận nội dung vợ chồng ông cam kết nêu trên. Xét thấy, các bị cáo có đủ khả năng để tự cải tạo, có đủ điều kiện để thi hành án trong trường hợp bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính; cần áp dụng

hình phạt tiền đối với các bị cáo là thỏa đáng, cũng đủ để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[9] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về áp dụng các biện pháp tư pháp: Trong vụ án này, các bị cáo đã chưa nhận được tiền công nên không truy thu với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hàng hóa, vật dụng liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước nên cần tịch thu hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước đối với hàng hóa là Củ Macca Peru khô, hạt cọ Chile khô và 02 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo Nông Thị Kim H, Nông Văn T và trả lại 02 chiếc điện thoại do không liên quan đến hành vi phạm tội cho các bị cáo Đào Thị H, Nguyễn Văn H.

[12] Đối với Đặng Văn T là người giới thiệu Đào Thị H với người Trung Quốc để đón hàng qua cửa khẩu, nhưng Đặng Văn T không biết hai bên đã thỏa thuận thời gian, địa điểm giao hàng thế nào; kết quả điều tra không xác định được Đặng Văn T chỉ đạo Nguyễn Văn H liên hệ với các bị cáo trong vụ án để đưa hàng hóa qua mốc biên giới 1227 sang Trung Quốc vào buổi tối ngày 24-4-2021, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với các lái xe và những người bốc vác hàng hóa chỉ là những người làm thuê, không nhận thức được hành vi vận chuyển hàng hóa qua mốc biên giới của mình là trái phép, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với lực lượng Hải quan và Bộ đội Biên phòng cửa khẩu C: Lợi dụng đêm tối, địa hình biên giới phức tạp, khu vực quản lý đường biên giới dài, lực lượng chức năng mỏng, mặt khác cán bộ Hải quan không thường xuyên trực tiếp giám sát hàng hóa tại bãi tập kết hàng hóa, nên các bị can đã tự ý mở kẹp chì, sang tải hàng hóa từ container sang các xe tải, sau đó lên lút vận chuyển hàng hóa sang Trung Quốc. Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm đối với Chi cục Hải quan cửa khẩu và Đoàn Biên phòng C nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với Công ty T và Trần Sỹ C: Do Công ty đã bàn giao toàn bộ hàng hóa, chứng từ hợp pháp cho Đào Thị H để làm thủ tục xuất khẩu qua cửa khẩu C sang Trung Quốc, xác định Công ty T và cá nhân Trần Sỹ C không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Đối với người đàn ông tên A H là chủ hàng người Trung Quốc, A H1 là người được Đặng Văn T gửi số điện thoại cho A H, A M là người thông tin cho Nguyễn Văn H về thời gian, địa điểm đón nhận hàng cho A H, A C là người trực tiếp nhận và tổ chức cho người bốc xếp hàng ở mốc 1227. Do các đối tượng này không có địa chỉ cụ thể và các bị cáo chỉ liên lạc với các đối tượng này qua

phần mềm Wechat nên Cơ quan điều tra không có căn cứ thực hiện tương trợ tư pháp. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Đối với 2.500kg Hạt cò Chile bị tạm giữ trong vụ án: Cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá, nhưng Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự không xác định được giá trị, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[18] Đối với số hàng hóa đã được các bị cáo vận chuyển sang Trung Quốc qua mốc 1227 ngày 22-4-2021: Do không thu giữ được tang vật nên không xác định được trọng lượng cụ thể của từng loại hàng hóa vi phạm, Cơ quan điều tra không có căn cứ để trưng cầu định giá tài sản trong tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[19] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[20] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[21] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Đào Thị H, Nông Thị Kim H, Nông Văn T;

Căn cứ khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn H;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 106, khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đào Thị H, Nông Thị Kim H, Nông Văn T và Nguyễn Văn H phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Đào Thị H 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

Xác nhận bị cáo Đào Thị H đã nộp để thi hành án số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000248 ngày 21/02/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Xử phạt bị cáo Nông Thị Kim H 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng.

Xác nhận bị cáo Nông Thị Kim H đã nộp để thi hành án số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000250 ngày 21/02/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Nông Thị Kim H còn phải thi hành số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.3. Xử phạt bị cáo Nông Văn T 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng.

Xác nhận bị cáo Nông Văn T đã nộp để thi hành án số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000249 ngày 21/02/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Nông Văn T còn phải thi hành số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn H đã nộp để thi hành án số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000247 ngày 21/02/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Nguyễn Văn H còn phải thi hành số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng

3.1. Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước:

- 7.168 kg (bảy nghìn một trăm sáu mươi tám kilôgram) Củ Maca Peru khô (tính cả bì);

- 2.470,8kg (hai nghìn bốn trăm bảy mươi phẩy tám kilôgram) Hạt cò Chile khô (tính cả bì). (Thiếu 29,2 kg so với biên bản thu giữ ban đầu đã được giải trình trong Công văn số 1297/CV-CQCSĐT (PC03) của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn.

(Vật chứng trên hiện đang được tạm gửi tại kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn theo theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07 tháng 12 năm 2021)

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 7 plus, số IMEI: 359128073622181 và 35912807362218 màu đen, trong máy lắp 01 sim có số thuê bao 0358486366 (máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật bên trong máy và tài khoản trong thẻ sim (thu của Nông Văn T);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động kỹ thuật của điện thoại, số IMEI: 354393068541136 bên trong gắn thẻ sim số 0914543198 (thu của Nông Thị Kim H);

3.2. Trả lại cho bị cáo Đào Thị H: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh dương, số IMEI1: 351639341758381, IMEI2: 351639343758389,

máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật điện thoại, bên trong máy lắp 01 thẻ sim số thuê bao 0379206537 (thu của Đào Thị H);

3.3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; số IMEI: 359307/04/214657/7, máy cũ đang sử dụng, không kiểm tra tình trạng kỹ thuật điện thoại, bên trong máy lắp 01 (một) sim số thuê bao 0865099723 (thu của Nguyễn Văn H).

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07 tháng 12 năm 2021).

4. Về án phí: Các bị cáo Đào Thị H, Nông Thị Kim H, Nông Văn T, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Long Kiếm

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm

